

Số: /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1187/QĐ-BNV ngày 15/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”;

Căn cứ Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính đối với Ban Quản lý các khu công nghiệp và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí đánh giá công tác cải cách hành chính đối với UBND các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 16/10/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính tỉnh Lâm Đồng;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định, đánh giá Chỉ số cải cách hành chính tỉnh tại Tờ trình số 95/TTr-HĐTĐ ngày 03/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 đối với:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và Ban Quản lý các khu công nghiệp: Tại Phụ lục I đính kèm.
- UBND các xã, phường, đặc khu: Tại Phụ lục II đính kèm.

Điều 2. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 được công bố tại Quyết định này, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo:

- Giao Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch khắc phục những tồn tại, hạn chế tại cơ quan,

đơn vị, địa phương mình, gửi về Sở Nội vụ **trước ngày 28/02/2026** để theo dõi, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 27/8/2025 và khoản 1 Điều 3 Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 08/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Phê bình các cơ quan, đơn vị, địa phương có kết quả Chỉ số cải cách hành chính năm 2025 xếp loại Trung bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh (Đ/c Phúc);
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Ngọc Phúc

Phụ lục I
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025
CỦA CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND TỈNH
VÀ BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

1. Nhóm 1: Nhóm các cơ quan thực hiện đánh giá, xếp loại và xếp hạng chung (14/15 đơn vị)

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
1	Sở Tư pháp	89,00	82,78	93,01%	TỐT
2	Sở Nội vụ	87,00	78,95	90,75%	TỐT
3	Sở Khoa học và Công nghệ	87,00	78,83	90,60%	TỐT
4	Sở Xây dựng	87,50	78,47	89,68%	TỐT
5	Ban Quản lý các khu công nghiệp	85,00	73,47	86,43%	TỐT
6	Văn phòng UBND tỉnh	97,00	83,39	85,97%	TỐT
7	Sở Công Thương	87,00	74,70	85,87%	TỐT
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	89,00	75,81	85,18%	TỐT
9	Sở Tài chính	87,00	74,10	85,18%	TỐT
10	Sở Dân tộc và Tôn giáo	87,00	73,76	84,78%	TỐT
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường	99,00	81,05	81,87%	TỐT
12	Sở Y tế	89,50	70,53	78,80%	KHÁ
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	87,50	68,92	78,77%	KHÁ
14	Sở Ngoại vụ	80,50	48,65	60,43%	TRUNG BÌNH
Chỉ số cao nhất				93,01%	
Chỉ số trung bình				84,10%	
Chỉ số thấp nhất				60,43%	

2. Nhóm 2: Nhóm các cơ quan thực hiện đánh giá, xếp loại nhưng không xếp hạng (01/15 đơn vị)

TT	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
1	Thanh tra tỉnh	81,00	64,23	79,30%	KHÁ

Phụ lục II
KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2025
CỦA UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng)

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
1	UBND xã Tuyên Quang	99,00	88,09	88,98%	TỐT
2	UBND phường Mũi Né	99,00	86,50	87,38%	TỐT
3	UBND phường Phú Thủy	99,00	85,80	86,66%	TỐT
4	UBND phường Bình Thuận	99,00	84,73	85,59%	TỐT
5	UBND xã Đức Lập	99,00	84,01	84,86%	TỐT
6	UBND phường Tiến Thành	99,00	83,79	84,63%	TỐT
7	UBND phường Cam Ly - Đà Lạt	99,00	83,56	84,41%	TỐT
8	UBND xã Hàm Kiệm	99,00	83,38	84,23%	TỐT
9	UBND xã Đơn Dương	99,00	82,71	83,55%	TỐT
10	UBND xã Nam Thành	99,00	82,63	83,46%	TỐT
11	UBND phường 1 Bảo Lộc	99,00	82,15	82,98%	TỐT
12	UBND phường Phước Hội	99,00	82,07	82,90%	TỐT
13	UBND phường Xuân Hương - Đà Lạt	99,00	81,65	82,48%	TỐT
14	UBND phường Hàm Thắng	99,00	81,60	82,43%	TỐT
15	UBND xã Tân Hà Lâm Hà	99,00	81,57	82,39%	TỐT
16	UBND đặc khu Phú Quý	99,00	81,20	82,02%	TỐT
17	UBND xã Tà Đùng	99,00	81,00	81,81%	TỐT
18	UBND xã Tân Minh	99,00	80,58	81,39%	TỐT
19	UBND xã Hàm Thạnh	99,00	80,48	81,29%	TỐT
20	UBND phường Phan Thiết	99,00	80,44	81,25%	TỐT
21	UBND xã Quảng Tân	99,00	80,39	81,20%	TỐT
22	UBND xã Tân Hải	99,00	80,38	81,19%	TỐT
23	UBND phường Xuân Trường - Đà Lạt	99,00	80,18	80,99%	TỐT
24	UBND xã Nam Đà	99,00	80,06	80,87%	TỐT
25	UBND xã Tân Thành	99,00	80,05	80,86%	TỐT

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
26	UBND phường 3 Bảo Lộc	99,00	80,02	80,83%	TỐT
27	UBND xã Đình Văn Lâm Hà	99,00	79,09	79,885%	KHÁ
28	UBND xã Đam Rông 3	99,00	79,08	79,882%	KHÁ
29	UBND xã Bắc Ruộng	99,00	78,99	79,79%	KHÁ
30	UBND xã Kiến Đức	99,00	78,95	79,75%	KHÁ
31	UBND xã Tà Năng	99,00	78,92	79,71%	KHÁ
32	UBND phường La Gi	99,00	78,84	79,63%	KHÁ
33	UBND xã Hòa Ninh	99,00	78,38	79,17%	KHÁ
34	UBND xã Trường Xuân	99,00	78,37	79,16%	KHÁ
35	UBND xã Thuận An	99,00	78,34	79,13%	KHÁ
36	UBND xã Hàm Thuận Nam	99,00	78,21	78,99%	KHÁ
37	UBND phường 2 Bảo Lộc	99,00	77,92	78,71%	KHÁ
38	UBND xã Krông Nô	99,00	77,80	78,59%	KHÁ
39	UBND xã Bắc Bình	99,00	77,80	78,58%	KHÁ
40	UBND xã Đức Linh	99,00	77,74	78,52%	KHÁ
41	UBND xã Đắc Song	99,00	77,63	78,42%	KHÁ
42	UBND xã Đắc Mil	99,00	77,57	78,36%	KHÁ
43	UBND xã Hải Ninh	99,00	77,30	78,08%	KHÁ
44	UBND xã Hàm Thuận	99,00	77,13	77,91%	KHÁ
45	UBND xã Đắc Sắk	99,00	76,65	77,43%	KHÁ
46	UBND xã Hàm Tân	99,00	76,42	77,19%	KHÁ
47	UBND xã Bảo Lâm 1	99,00	76,35	77,12%	KHÁ
48	UBND xã Tánh Linh	99,00	76,11	76,88%	KHÁ
49	UBND xã Nghị Đức	99,00	75,74	76,51%	KHÁ
50	UBND xã D' Ran	99,00	75,66	76,42%	KHÁ
51	UBND xã Đam Rông 2	99,00	75,27	76,03%	KHÁ
52	UBND xã Cát Tiên 3	99,00	75,17	75,93%	KHÁ
53	UBND xã Đam Rông 1	99,00	74,95	75,71%	KHÁ
54	UBND xã Đạ Huoai	99,00	74,93	75,68%	KHÁ

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
55	UBND xã Cát Tiên	99,00	74,84	75,59%	KHÁ
56	UBND phường Lang Biang - Đà Lạt	99,00	74,82	75,57%	KHÁ
57	UBND xã Tân Hội	99,00	74,78	75,54%	KHÁ
58	UBND xã Nâm Nung	99,00	74,57	75,32%	KHÁ
59	UBND xã Đam Rông 4	99,00	74,25	75,001%	KHÁ
60	UBND xã Bảo Lâm 4	99,00	74,25	74,996%	KHÁ
61	UBND xã Cát Tiên 2	99,00	74,14	74,89%	KHÁ
62	UBND phường Đông Gia Nghĩa	99,00	74,07	74,82%	KHÁ
63	UBND xã Di Linh	99,00	74,01	74,76%	KHÁ
64	UBND xã Đức An	99,00	73,69	74,44%	KHÁ
65	UBND xã Quảng Khê	99,00	73,58	74,33%	KHÁ
66	UBND xã Hồng Sơn	99,00	73,37	74,11%	KHÁ
67	UBND xã Hàm Liêm	99,00	73,19	73,93%	KHÁ
68	UBND phường B' Lao	99,00	73,16	73,90%	KHÁ
69	UBND xã Hoài Đức	99,00	73,09	73,83%	KHÁ
70	UBND xã Đức Trọng	99,00	73,08	73,82%	KHÁ
71	UBND xã Đa Têh 2	99,00	72,96	73,70%	KHÁ
72	UBND xã Hàm Thuận Bắc	99,00	72,89	73,63%	KHÁ
73	UBND xã Quảng Tín	99,00	72,81	73,54%	KHÁ
74	UBND xã Ninh Gia	99,00	72,76	73,494%	KHÁ
75	UBND xã Đồng Kho	99,00	72,75	73,487%	KHÁ
76	UBND xã Đa Huoai 2	89,00	65,25	73,31%	KHÁ
77	UBND xã Suối Kiết	99,00	72,13	72,85%	KHÁ
78	UBND xã Thuận Hạnh	99,00	71,97	72,69%	KHÁ
79	UBND xã Liên Hương	99,00	71,69	72,41%	KHÁ
79	UBND xã Nam Hà Lâm Hà	99,00	71,69	72,41%	KHÁ
81	UBND xã Tuy Đức	99,00	71,35	72,07%	KHÁ
82	UBND xã Nhân Cơ	99,00	71,30	72,02%	KHÁ
83	UBND xã Sơn Mỹ	99,00	71,15	71,87%	KHÁ

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
84	UBND xã Đông Giang	89,00	63,69	71,56%	KHÁ
85	UBND xã Nam Dong	99,00	70,39	71,10%	KHÁ
86	UBND xã Đinh Trang Thượng	99,00	70,37	71,08%	KHÁ
87	UBND xã Hòa Thắng	99,00	70,35	71,06%	KHÁ
88	UBND xã Tân Lập	99,00	70,18	70,89%	KHÁ
89	UBND xã Dạ Têh 3	99,00	70,17	70,88%	KHÁ
90	UBND xã Dạ Huoi 3	99,00	70,15	70,86%	KHÁ
91	UBND xã La Dạ	99,00	69,89	70,60%	KHÁ
92	UBND xã Ka Đô	99,00	69,79	70,50%	KHÁ
93	UBND xã Quảng Sơn	99,00	69,02	69,72%	KHÁ
94	UBND phường Bắc Gia Nghĩa	99,00	68,96	69,66%	KHÁ
95	UBND phường Lâm Viên - Đà Lạt	99,00	68,08	68,77%	KHÁ
96	UBND xã Bảo Lâm 2	99,00	67,81	68,50%	KHÁ
97	UBND xã Bảo Lâm 5	99,00	67,23	67,91%	KHÁ
98	UBND xã Phú Sơn Lâm Hà	99,00	67,20	67,88%	KHÁ
99	UBND xã Hiệp Thạnh	99,00	67,20	67,877%	KHÁ
100	UBND xã Phan Rí Cửa	99,00	66,38	67,05%	KHÁ
101	UBND xã Gia Hiệp	99,00	65,34	66,00%	KHÁ
102	UBND xã Quảng Lập	99,00	65,14	65,80%	KHÁ
103	UBND xã Vĩnh Hảo	99,00	65,01	65,66%	KHÁ
104	UBND phường Nam Gia Nghĩa	99,00	64,87	65,528%	KHÁ
105	UBND xã Dạ Têh	99,00	64,87	65,527%	KHÁ
106	UBND xã Phan Sơn	99,00	64,84	65,50%	KHÁ
107	UBND xã Hồng Thái	99,00	63,72	64,36%	TRUNG BÌNH
108	UBND xã Nam Ban Lâm Hà	99,00	63,64	64,28%	TRUNG BÌNH
109	UBND xã Quảng Trục	99,00	63,58	64,22%	TRUNG BÌNH
110	UBND xã Đắc Wil	99,00	63,54	64,18%	TRUNG BÌNH
111	UBND xã Quảng Phú	99,00	62,80	63,44%	TRUNG BÌNH

Thứ hạng	Đơn vị	Điểm chuẩn tối đa	Điểm đạt được	Chỉ số chung	Xếp loại
112	UBND xã Hòa Bắc	99,00	62,61	63,24%	TRUNG BÌNH
113	UBND xã Lương Sơn	99,00	62,55	63,18%	TRUNG BÌNH
114	UBND xã Phúc Thọ Lâm Hà	99,00	62,47	63,10%	TRUNG BÌNH
115	UBND xã Bảo Lâm 3	99,00	62,16	62,79%	TRUNG BÌNH
116	UBND xã Sông Lũy	99,00	60,32	60,93%	TRUNG BÌNH
117	UBND xã Bảo Thuận	99,00	60,13	60,74%	TRUNG BÌNH
118	UBND xã Quảng Hòa	99,00	59,05	59,65%	TRUNG BÌNH
119	UBND xã Tà Hine	99,00	56,61	57,18%	TRUNG BÌNH
120	UBND xã Cư Jút	99,00	56,30	56,87%	TRUNG BÌNH
121	UBND xã Tuy Phong	99,00	56,29	56,86%	TRUNG BÌNH
122	UBND xã Trà Tân	99,00	55,83	56,39%	TRUNG BÌNH
123	UBND xã Sơn Điền	99,00	55,69	56,25%	TRUNG BÌNH
124	UBND xã Lạc Dương	99,00	55,15	55,70%	TRUNG BÌNH
Chỉ số cao nhất				88,98%	
Chỉ số trung bình				73,90%	
Chỉ số thấp nhất				55,70%	